

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 26972
	Giờ: Ngày 11 tháng 8 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
2. Báo cáo kiểm toán	5
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	6 – 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 33

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100100625 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 4 năm 2006. Trong quá trình hoạt động Công ty lần lượt được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 01 ngày 07 tháng 12 năm 2006, lần 02 ngày 27 tháng 7 năm 2007 và lần 3 ngày 20 tháng 7 năm 2010.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	<u>Ghi chú</u>
- Ông Vũ Tiến Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	(i)
- Ông Nguyễn Gia Tường	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	(iii)
- Ông Lê Công An	Thành viên	(ii)
- Bà Đào Thị Hoa	Thành viên	(ii)
- Ông Phạm Quang Rong	Thành viên	(iii)
- Ông Nguyễn Quang Hào	Thành viên	(ii)
- Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên	(ii)
- Bà Nguyễn Thị Hợp	Thành viên	(iii)

- (i) Bổ nhiệm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 5 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng
- (ii) Trở thành thành viên hội đồng quản trị khoá 2011-2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 45/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2011
- (iii) Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 45/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2011

Thành viên Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	<u>Ghi chú</u>
- Ông Lê Công An	Tổng Giám đốc	
- Ông Lê Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc	
- Ông Nguyễn Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc	
- Ông Mai Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc	(iv)
- Bà Đào Thị Hoa	Kế Toán Trưởng	

- (iv) Bổ nhiệm theo Quyết định số 54/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại Số 231 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội và các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình có trụ sở tại đường Trần Thủ Độ, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại thành phố Đà Nẵng có trụ sở tại Quốc lộ 1A, xã Hoà Châu, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại thành phố Hồ Chí Minh có trụ sở tại số 63 đường Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Hoạt động chính

Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm cao su, chế tạo, lắp đặt và mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su và kinh doanh xuất nhập khẩu phục vụ ngành cao su.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào đáng kể làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cho phép.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2011



Lê Công An

Số: 05/2012/BCKT-BDOHN

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Đại diện cho Công ty TNHH BDO Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

**Đỗ Thị Anh Tuyết**

Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ.0079/KTV

Nguyễn Như Tiến

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0449/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: Số 231, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		408.316.155.963	371.264.189.395
Tiền và tương đương tiền	110		13.462.016.779	27.681.302.639
Tiền	111	5.1	12.962.016.779	21.681.302.639
Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	6.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		132.779.981.372	64.127.264.177
Phải thu khách hàng	131		112.631.603.934	56.501.728.022
Trả trước cho người bán	132		22.140.759.583	8.612.704.127
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Các khoản phải thu khác	135	5.2	1.161.676.240	1.038.473.792
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.154.058.385)	(2.025.641.764)
Hàng tồn kho	140		257.750.348.594	272.135.072.657
Hàng tồn kho	141	5.3	259.181.319.389	272.135.072.657
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.430.970.795)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.323.809.218	7.320.549.922
Thuế GTGT được khấu trừ	152		536.611.846	3.769.204.224
Thuế và các khoản phải thu N. Nước	154	5.4	373.451.882	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.413.745.490	3.551.345.698
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		180.593.816.782	199.458.705.274
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Tài sản cố định	220		170.808.180.131	190.044.774.189
TSCĐ hữu hình	221	5.5	118.762.328.031	136.093.040.814
- Nguyên giá	222		492.065.159.836	490.449.878.290
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(373.302.831.805)	(354.356.837.476)
TSCĐ thuê tài chính	224	5.6	47.222.853.842	49.932.589.950
- Nguyên giá	225		76.789.278.235	76.435.109.073
- Giá trị khấu hao lũy kế	226		(29.566.424.393)	(26.502.519.123)
TSCĐ vô hình	227	5.7	3.654.108.959	3.661.786.147
- Nguyên giá	228		3.703.723.022	3.703.723.022
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(49.614.063)	(41.936.875)
Chi phí XDCB dở dang	230	5.8	1.168.889.299	357.357.278
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9.456.126.895	9.174.375.448
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		9.456.126.895	9.174.375.448
Tài sản dài hạn khác	260		329.509.756	239.555.637
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	329.509.756	239.555.637
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		588.909.972.745	570.722.894.669

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VANG

Địa chỉ: Số 231, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
NỢ PHẢI TRẢ	300		383.496.259.122	333.094.422.096
Nợ ngắn hạn	310		352.957.134.275	307.507.888.017
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	268.055.546.885	226.672.481.495
Phải trả người bán	312		28.648.427.141	40.213.261.629
Người mua trả tiền trước	313		13.154.181.683	4.668.394.860
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	2.167.928.692	2.051.923.483
Phải trả người lao động	315		12.830.265.129	16.756.892.313
Chi phí phải trả	316	5.12	8.991.821.859	5.585.922.615
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	14.050.287.924	1.008.449.114
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		149.432.846	5.561.134.981
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.909.242.116	4.989.427.527
Nợ dài hạn	320		30.539.124.847	25.586.534.079
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	5.14	29.697.383.045	23.772.260.441
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		841.741.802	1.747.519.092
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	66.754.546
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		205.413.713.623	237.628.472.573
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	205.259.438.200	237.446.232.974
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		162.000.000.000	162.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.605	3.605
Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.001.031.559	1.001.031.559
Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(78.669.739)
Quỹ đầu tư phát triển	417		30.219.597.614	29.645.153.027
Quỹ dự phòng tài chính	418		6.239.772.501	5.665.327.914
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		5.799.032.921	39.213.386.608
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		154.275.423	182.239.599
Nguồn kinh phí	432		14.454.547	14.454.547
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		139.820.876	167.785.052
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		588.909.972.745	570.722.894.669

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký ợc		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		1.509.172.439	1.509.172.439
Ngoại tệ các loại (USD)		2.052,45	2.660,01
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 05 tháng 08 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đào Thị Hoa



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	601.383.253.625	546.321.077.195
Các khoản giảm trừ	02	6.2	436.711.845	172.192.623
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	6.3	600.946.541.780	546.148.884.572
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	559.967.983.085	494.897.721.735
Lợi nhuận gộp về bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		40.978.558.695	51.251.162.837
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	1.386.797.787	1.009.734.092
Chi phí tài chính	22	6.6	23.038.951.855	18.094.410.889
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.265.536.884	13.909.082.015
Chi phí bán hàng	24		11.091.757.877	9.684.761.446
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.085.088.696	13.618.038.306
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.850.441.946)	10.863.686.288
Thu nhập khác	31		541.619.276	574.552.505
Chi phí khác	32		35.197.256	88.627.301
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		506.422.020	485.925.204
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.344.019.926)	11.349.611.492
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	1.418.701.437
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(7.344.019.926)	9.930.910.055
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	N/A	920

Ngày 05 tháng 08 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đào Thị Hoa



Lê Công An

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: Số 231, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KD			
Lợi nhuận trước thuế	01	(7,344,019,926)	11,349,611,492
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	02	22,652,315,362	23,833,078,327
Các khoản dự phòng	03	3,101,553,416	532,231,047
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	149,432,846	753,752,498
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	-
Chi phí lãi vay	06	20,265,536,884	13,909,082,015
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn LĐ	08	38,824,818,582	50,377,755,379
Tăng giảm các khoản phải thu	09	(67,662,993,320)	(55,191,413,386)
Tăng giảm hàng tồn kho	10	12,953,753,268	(47,320,044,996)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	13,716,313,255	8,786,987,188
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(89,954,119)	283,480,078
Tiền lãi vay đã trả	13	(19,651,092,774)	(15,992,234,216)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(940,689,164)	(10,266,225,398)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	9,251,340,740	3,345,368,526
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(13,527,104,102)	(3,945,736,188)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(27,125,607,634)	(69,922,063,013)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn	21	(13,863,642,348)	(5,346,192,376)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS d.hạn khác	22	162,090,909	86,363,636
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(301,339,223)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	19,587,776	19,587,776
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	740,274,366	839,041,489
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13,243,028,520)	(4,401,199,475)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ SH	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	463,197,860,069	390,397,062,281
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(419,384,238,690)	(327,129,746,703)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(5,730,725,085)	(5,252,004,908)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11,933,546,000)	(12,873,992,700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	26,149,350,294	45,141,317,970

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(14,219,285,860)	(29,181,944,518)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27,681,302,639	41,959,981,628
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ng.tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	13,462,016,779	12,778,037,110

Ngày 05 tháng 08 năm 2011

KÊ TOÁN TRƯỞNG



Đào Thị Hoa



GIÁM ĐỐC

Lê Công An

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100100625 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 4 năm 2006. Trong quá trình hoạt động Công ty lần lượt được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 01 ngày 07 tháng 12 năm 2006, lần 02 ngày 27 tháng 7 năm 2007 và lần 3 ngày 20 tháng 7 năm 2010. Ngành nghề kinh doanh của Công ty được quy định bao gồm:

- Kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hoá chất phục vụ sản xuất ngành công nghiệp cao su;
- Chế tạo, lắp đặt và mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng kho bãi;
- Mua bán, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế;
- Mua bán hàng kính mắt thời trang; thiết bị quang học;
- Mua bán hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá.

Vốn điều lệ: 162.000.000.000 đồng

Công ty có trụ sở chính tại Số 231 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội và các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình có trụ sở tại đường Trần Thủ Độ, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại thành phố Đà Nẵng có trụ sở tại Quốc lộ 1A, xã Hoà Châu, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại thành phố Hồ Chí Minh có trụ sở tại số 63 đường Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 1.265 người. Trong đó số nhân viên quản lý là 198 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

4 TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010 của Công ty.

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các giao dịch ngoại tệ

Các giao dịch ngoại tệ của Công ty được ghi nhận như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ là: tài sản bằng tiền, tương đương tiền, các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- | | |
|------------------------------------|--|
| - Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ | Giá bình quân gia quyền |
| - Thành phẩm, hàng hoá: | Giá bình quân gia quyền |
| - Sản phẩm dở dang: | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc kỳ tài chính. Các khoản tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng này được tính vào khoản mục giá vốn hàng bán trong kỳ tài chính.

4.4 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.4.1 Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính bao gồm khoản phải trả nợ gốc thuê tài chính và chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính như: chi phí lắp đặt, chạy thử ...

Khấu hao TSCĐ hữu hình và thuê tài chính được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.4.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình (trừ Quyền sử dụng đất lâu dài) được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Riêng quyền sử dụng đất lâu dài là tài sản cố định vô hình đặc biệt, doanh nghiệp không được trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty ghi nhận khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp mà Công ty góp vốn liên doanh, liên kết khi nhận được thông báo chính thức của doanh nghiệp đó về số cổ tức được hưởng hoặc số lợi nhuận được chia trong kỳ theo nguyên tắc dồn tích.

4.6 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu giá trị công cụ, dụng cụ, các linh kiện nhỏ và các phụ tùng thay thế đã xuất dùng. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian từ 01 đến 02 năm kể từ khi phát sinh.

4.8 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm: chi phí khuyến mại, chi phí vận chuyển, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, lãi vay trung, dài hạn. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị doanh nghiệp được đánh giá khi cổ phần hoá. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.10 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.11 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ, lỗ đánh giá chênh lệch tỷ giá số dư của các khoản nợ, vay dài hạn bằng ngoại tệ cuối kỳ, các khoản trích trước lỗ chênh lệch tỷ giá của các khoản vay ngắn hạn đến hạn trả. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả của các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Công ty được xác định theo số tiền nợ gốc vay, lãi suất vay đã được thoả thuận và thời gian vay thực tế.

4.12 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá và dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo các mức thuế sau:

- Các sản phẩm lốp, săm, yếm và các sản phẩm cao su kỹ thuật... chịu thuế suất 10%;
- Cao su thiên nhiên và nhượng bán nước chịu thuế suất 5%.
- Các sản phẩm xuất khẩu chịu thuế suất 0%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty tính và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 25%.

Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo. Theo quy định tại Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty tiếp tục được giảm thuế cho thời gian còn lại.

Năm tài chính 2011 là năm đầu tiên Công ty không còn được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, do kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm của Công ty bị lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.13 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền**

	<u>30/06/2011</u> <u>(VND)</u>	<u>01/01/2011</u> <u>(VND)</u>
Tiền mặt tại quỹ (i)	524.024.776	3.371.393.436
Tiền gửi ngân hàng (ii)	12.437.992.003	18.309.909.203
Cộng	12.962.016.779	21.681.302.639
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 30/06/2011 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		524.024.776
Ngoại tệ		-
Cộng		524.024.776
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 30/06/2011 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		12.395.674.580
Ngoại tệ (USD)	2.052,45 #	42.317.423
Cộng		12.437.992.003

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>30/06/2011</u> <u>(VND)</u>	<u>Đơn vị: VND</u> <u>01/01/2011</u> <u>(VND)</u>
Phải thu người lao động	-	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	-	-
Phải thu khác (i)	1.161.676.240	1.038.473.792
Cộng	1.161.676.240	1.038.473.792
(i) Chi tiết các khoản phải thu khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 bao gồm:		
		<u>(VND)</u>
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương (Thuế GIGT tài sản thuê tài chính chưa phát hành hoá đơn thuế)		563.925.178
Công ty ô tô Chu Lai - Trường Hải (phải thu về bảo hành lốp)		118.096.553
Các khoản khác		479.654.509
Cộng		1.161.676.240

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

5.3 Hàng tồn kho

	<u>30/06/2011</u> <u>(VND)</u>	<u>01/01/2011</u> <u>(VND)</u>
Hàng mua đang đi đường		-
Nguyên liệu, vật liệu	125.553.308.049	145.738.559.020
Công cụ, dụng cụ	4.286.526.560	4.182.252.128
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.051.378.439	7.281.248.343
Thành phẩm	114.536.206.470	108.965.986.884
Hàng hoá	4.210.269.308	5.707.421.878
Hàng gửi bán	543.630.563	259.604.404
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>259.181.319.389</u>	<u>272.135.072.657</u>

Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2011, dự phòng giảm giá hàng tồn kho của công ty được trích lập thêm do: giá nguyên vật liệu đầu vào liên tục tăng cao làm cho giá gốc thành phẩm của Công ty cao hơn so với giá trị thị trường có thể thực hiện được của sản phẩm.

5.4 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>30/06/2011</u> <u>(VND)</u>	<u>01/01/2011</u> <u>(VND)</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	373.451.882	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Cộng	<u>373.451.882</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

5.5 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư đầu năm	91.674.910.795	362.767.092.790	34.117.867.545	1.890.007.160	-	490.449.878.290
- Mua trong năm	-	476.583.235	67.280.250	-	-	543.863.485
- Đầu tư XD CB h. thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	1.706.156.636	-	-	-	1.706.156.636
- Chuyển sang BĐS đ. tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	353.989.354	280.749.221	-	-	634.738.575
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	91.674.910.795	364.595.843.307	33.904.398.574	1.890.007.160	-	492.065.159.836
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	55.602.055.598	272.915.283.934	24.337.334.656	1.502.163.288	-	354.356.837.476
- Khấu hao trong năm	2.233.453.034	14.149.007.311	1.765.240.157	73.945.559	-	18.221.646.061
- Tăng khác	-	1.359.086.843	-	-	-	1.359.086.843
- Chuyển sang BĐS đ. tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	353.989.354	280.749.221	-	-	634.738.575
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	57.835.508.632	288.069.388.734	25.821.825.592	1.576.108.847	-	373.302.831.805
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	36.072.855.197	89.851.808.856	9.780.532.889	387.843.872	-	136.093.040.814
Tại ngày cuối năm	33.839.402.163	76.526.454.573	8.082.572.982	313.898.313	-	118.762.328.031
Trong đó: - Thế chấp, cầm cố						67.898.771.827
- Đã khấu hao hết, đang sử dụng						105.657.667.479
- Chờ thanh lý						-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

5.6 Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, Trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	75.257.047.894	1.178.061.179	76.435.109.073
- Thuê t.chính trong năm	2.060.325.798	-	2.060.325.798
- Tăng khác	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê t.chính	1.706.156.636	-	1.706.156.636
- Trả lại TSCĐ thuê t.chính	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	75.611.217.056	1.178.061.179	76.789.278.235
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu năm	26.006.181.900	496.337.223	26.502.519.123
- Khấu hao trong năm	4.191.990.916	231.001.197	4.422.992.113
- Tăng khác	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê t.chính	1.359.086.843	-	1.359.086.843
- Trả lại TSCĐ thuê t.chính	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	28.839.085.973	727.338.420	29.566.424.393
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	49.250.865.994	681.723.956	49.932.589.950
Tại ngày cuối năm	46.772.131.083	450.722.759	47.222.853.842

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

5.7 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	3.615.723.022	88.000.000	3.703.723.022
- Mua trong năm	-	-	-
- Đầu tư XD CB h. thành	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đ. tư	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	3.615.723.022	88.000.000	3.703.723.022
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu năm	-	41.936.875	41.936.875
- Khấu hao trong năm	-	7.677.188	7.677.188
- Tặng khác	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đ. tư	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	-	49.614.063	41.936.875
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	3.615.723.022	46.063.125	3.661.786.147
Tại ngày cuối năm	3.615.723.022	38.385.937	3.654.108.959

5.8 Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Lắp đặt máy lưu hóa sẫm	-	-
Khuôn lốp các loại	-	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	240.907.560	99.917.700
Các dự án khác	927.981.739	257.439.578
Cộng	1.168.889.299	357.357.278

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30/06/2011</u> <u>(VND)</u>	<u>01/01/2011</u> <u>(VND)</u>
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
Giá trị công cụ dụng cụ phân bổ dần	255.759.756	239.555.637
Chi phí bảo hiểm	73.750.000	-
Chi phí lãi vay cán bộ CNV trả trước	-	-
Cộng	<u>329.509.756</u>	<u>239.555.637</u>

5.10 Vay và nợ ngắn hạn

	<u>30/06/2011</u> <u>(VND)</u>	<u>01/01/2011</u> <u>(VND)</u>
Vay ngắn hạn	262.679.251.452	209.283.268.750
- Vay ngân hàng	(i) 204.952.688.214	188.535.681.917
- Vay cán bộ công nhân viên	5.726.563.238	5.747.586.833
- Vay Tập đoàn Hoá chất	50.000.000.000	15.000.000.000
- Vay Công đoàn Hoá chất VN	2.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	<u>5.376.295.433</u>	<u>17.389.212.745</u>
Cộng	<u>268.055.546.885</u>	<u>226.672.481.495</u>

(i) Số dư tiền vay ngân hàng vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 bao gồm:

	<u>Ngoại tệ</u>	<u>(VND)</u>
Ngoại tệ (USD)	4.061.925,47 #	83.748.779.340
Đồng Việt Nam (VND)		<u>121.203.908.874</u>
Cộng		<u>204.952.688.214</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	1.578.745.540	1.411.245.006
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	567.237.282
Thuế thu nhập cá nhân	585.626.352	73.441.195
Thuế tài nguyên	3.556.800	-
Thuế đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	2.167.928.692	2.051.923.483

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.12 Chi phí phải trả

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Chi phí vận chuyển vật tư, sản phẩm	2.075.000.000	310.000.000
Chi phí khuyến mại	5.388.016.245	4.638.344.039
Lãi vay ngân hàng	806.760.663	593.882.000
Thanh toán tiền độc hại	50.579.399	43.696.576
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	633.065.552	-
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	38.400.000	-
Chi phí phải trả khác	-	-
Cộng	8.991.821.859	5.585.922.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	(VND)	(VND)
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	491.465.336	232.876.423
Bảo hiểm xã hội	439.770.180	27.015.889
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	(i) 13.119.052.408	748.556.802
Cộng	14.050.287.924	1.008.449.114

(i) Chi tiết các khoản phải trả khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2011:

	(VND)
Cổ tức phải trả	12.625.281.600
Cty Cổ phần Vifa Coating	160.500.000
Các đối tượng khác	333.270.808
Cộng	13.119.052.408

5.14 Vay và nợ dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	(VND)	(VND)
Vay dài hạn	8.834.822.483	4.264.822.483
- Vay ngân hàng	8.834.822.483	4.264.822.483
- Vay đối tượng khác	-	-
Nợ dài hạn	(i) 20.862.560.562	19.507.437.958
Cộng	29.697.383.045	23.772.260.441

(i) Chi tiết các khoản thanh toán nợ thuê tài chính như sau:

Thời hạn (năm)	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011			Năm 2010		
	Tổng khoản thanh toán	Lãi tiền thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán	Lãi tiền thuê	Trả nợ gốc
<1						
1-5	7.689.332.103	2.790.015.018	4.899.317.085	13.037.052.465	4.095.942.775	8.941.109.690
>5	924.640.316	93.232.316	831.408.000	1.999.311.325	309.293.172	1.690.018.153

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

5.16 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ SH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của CSH	Quỹ khác thuộc V/SCH	CL tỷ giá hối đoái	Quỹ ĐTPT	Quỹ DPTC	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	108.000.000.000	20.430.233.605	1.001.031.559	-	(979.677.303)	26.781.815.241	5.665.327.914	74.254.264.872	235.152.995.888
Tăng vốn năm trước	54.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	54.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	14.482.229.522	14.482.229.522
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	2.863.337.786	-	-	2.863.337.786
Tăng khác	-	-	-	-	979.677.303	-	-	-	979.677.303
Giảm vốn năm trước	-	20.430.230.000	-	-	-	-	-	-	20.430.230.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	12.960.000.000	12.960.000.000
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	78.669.739	-	-	-	78.669.739
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	36.563.107.786	36.563.107.786
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	162.000.000.000	3.605	1.001.031.559	-	(78.669.739)	29.645.153.027	5.665.327.914	39.213.386.608	237.446.232.974
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	574.444.587	574.444.587	-	1.148.889.174
Tăng khác	-	-	-	-	78.669.739	-	-	-	78.669.739
Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	24.300.000.000	24.300.000.000
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	7.344.019.926	7.344.019.926
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(i) 1.770.333.761	1.770.333.761
Số dư cuối năm nay	162.000.000.000	3.605	1.001.031.559	-	-	30.219.597.614	6.239.772.501	5.799.032.921	205.259.438.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

(i) Chi tiết các khoản giảm khác lợi nhuận chưa phân phối

	VND
- Bỏ sung quỹ Đầu tư phát triển từ nguồn thuế TNDN được giảm	-
- Thù lao hội đồng quản trị	47.000.000
- Trích các quỹ	1.723.333.761
Cộng	1.770.333.761

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	82.620.000.000	82.620.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	79.380.000.000	79.380.000.000
Cộng	162.000.000.000	162.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	162.000.000.000	108.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	54.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	162.000.000.000	162.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(i) 24.300.000.000	46.529.770.000

(i) Cổ tức, lợi nhuận năm 2010 (tỷ lệ 15% vốn điều lệ của chủ sở hữu) đã phân phối vào năm 2011

Cổ tức

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Cổ phiếu

	30/06/2011	01/01/2011
	(VND)	(VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.200.000	16.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.200.000	16.200.000
Cổ phiếu phổ thông	16.200.000	16.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.200.000	16.200.000
Cổ phiếu phổ thông	16.200.000	16.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Quỹ đầu tư phát triển	30.219.597.614	29.645.153.027
Quỹ dự phòng tài chính	6.239.772.501	5.665.327.914
Cộng	36.459.370.115	35.310.480.941

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ Đầu tư phát triển được dùng để đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh theo định hướng chiến lược của Công ty, kể cả bổ sung vốn điều lệ cho Công ty và đầu tư ra ngoài Công ty.
- Quỹ Dự phòng tài chính dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh của Công ty. Bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của Đại hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	601.383.253.625	546.321.077.195
Doanh thu bán hàng	595.594.924.529	541.212.172.833
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.403.948.893	4.699.280.848
Doanh thu bán vật tư	1.384.380.203	409.623.514

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	436.711.845	172.192.623
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	2.138.178
Hàng bán bị trả lại	436.711.845	170.054.445

6.3 Doanh thu thuần

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
D. thu thuần về bán hàng và cung cấp d. vụ	600.946.541.780	546.148.884.572
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	595.158.212.684	541.039.980.210
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	4.403.948.893	4.699.280.848
Doanh thu thuần bán vật tư	1.384.380.203	409.623.514

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Giá vốn hàng hoá đã bán	78.641.702.550	39.209.649.158
Giá vốn thành phẩm đã bán	478.771.047.061	455.337.898.171
Giá vốn vật tư đã cung cấp	1.124.262.679	350.174.406
Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư	-	-
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.430.970.795	-
Cộng	559.967.983.085	494.897.721.735

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	459.862.142	452.335.694
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	280.412.224	280.412.224
Lãi bán ngoại tệ	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	646.523.421	276.986.174
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	1.386.797.787	1.009.734.092

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Lãi tiền vay	20.265.536.884	13.909.082.015
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.623.982.125	3.431.576.376
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	149.432.846	753.752.498
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	23.038.951.855	18.094.410.889

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

6.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	1.418.701.437
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	-	-
Cộng	-	1.418.701.437

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	579.606.975.289	462.658.402.728
Chi phí nhân công	31.198.489.574	31.759.079.221
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.652.315.362	23.833.078.327
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.436.688.611	13.773.502.304
Chi phí khác bằng tiền	49.459.444.408	44.016.322.692
Cộng	696.353.913.244	576.040.385.272

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(7.344.019.926)	9.930.910.055
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (Cổ tức của Cổ phiếu ưu đãi)</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.344.019.926)	9.930.910.055
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.200.000	10.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	N/A	920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa điểm	Quan hệ
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	Hà Nội	Công ty Mẹ
Công ty TNHH 1TV Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	Bắc Giang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao	Phú Thọ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH 1TV Apatite Việt Nam	Lào Cai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH 1TV DAP VinaChem	Hải Phòng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Vật tư XNK Hoá chất	Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH 1TV Xây lắp Hoá chất	Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tài chính Hoá chất	Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn

Nghệp vụ với các bên liên quan:

Trong kỳ tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nghệp vụ	Số tiền VNĐ
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH 1TV Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	Cung cấp băng tải	216.040.000
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cung cấp nguyên vật liệu	1.279.683.196
Công ty Supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao	Cung cấp băng tải	2.062.049.000
Công ty TNHH 1TV Apatite Việt Nam	Cung cấp băng tải	848.738.000
Công ty TNHH 1TV DAP VinaChem	Cung cấp băng tải	251.647.000
Mua hàng hoá dịch vụ		
Công ty Vật tư XNK Hoá chất	Mua nguyên vật liệu	14.764.128.350
Công ty TNHH 1TV Xây lắp Hoá chất	Sửa chữa máy móc, thiết bị	-
Công ty Cổ phần thiết kế CN Hoá chất	Lập dự án khảo sát di dời	445.100.000
Vay		
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	Vay ngắn hạn	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Tài chính Hoá chất	Vay ngắn hạn	25.435.765.975
Công đoàn Hoá chất Việt Nam		2.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Số tiền VNĐ
Các khoản phải thu	
Công ty TNHH 1TV Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	-
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	-
Công ty Supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao	530.310.000
Công ty TNHH 1TV Apatite Việt Nam	-
Công ty TNHH 1TV DAP VinaChem	-
Các khoản phải trả	
Công ty Vật tư XNK Hoá chất	101.617
Công ty TNHH 1TV Xây lắp Hoá chất	-
Công ty Cổ phần thiết kế CN Hoá chất	-
Các khoản vay nợ	
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Tài chính Hoá chất	-
Công đoàn Hoá chất Việt Nam	2.000.000.000

7.2 Sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ tài chính

Trong kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, nhân sự chủ chốt trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có một số thay đổi như sau:

- Ông Vũ Văn Dũng được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 5 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng;
- Các ông, bà gồm: (1) Ông Lê Công An; (2) Ông Nguyễn Quang Hào; (3) Ông Nguyễn Văn Thịnh; và (4) Bà Đào Thị Hoa trở thành thành viên Hội đồng Quản trị khoá 2011-2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 45/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2011;
- Miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị đối với các ông, bà gồm: (1) Ông Nguyễn Gia Tường; (2) Ông Phạm Quang Rong; và (3) Bà Nguyễn Thị Hợp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 45/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2011; và
- Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Ông Mai Chiến Thắng theo Quyết định số 54/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

7.2 Thông tin so sánh

Số liệu được sử dụng để so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số liệu được sử dụng để so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trong Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH BDO Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội..

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đào Thị Hoa



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Công An

N.H.H. 1